

TOÀ ÁN ND HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 91/2023/HS-ST

Ngày 30 -5-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Hoàng Văn Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/HSST-QĐ ngày 17/5/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Thị T; sinh năm: 1983; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Trương Văn M (Đã chết) và bà Thân Thị Q; có chồng là Thân Văn Q1 và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Anh Doãn Văn Q2, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- Người làm chứng:

1. Anh Đào Duy H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
2. Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/4/2021, Trương Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 243, tờ bản đồ số 03, diện tích 137m², địa chỉ thửa đất ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang từ anh ruột của T là Trương Văn Q3, sinh năm 1980, trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ban đầu đứng tên ông Nguyễn Trường G và bà Thân Thị Vũ L đều sinh năm 1973 cùng trú tại ngõ E, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Cùng ngày 23/4/2021, Văn phòng đăng ký đất đai huyện V đã xác nhận việc biến động quyền sử dụng đất của thửa đất số 243, tờ bản đồ số 03 từ anh Q3 sang T trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/5/2021, T thế chấp quyền sử dụng đất của thửa đất trên cho ngân hàng N chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang, đến nay chưa xóa thế chấp để vay tiền đầu tư kinh doanh, đồng thời giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ngân hàng giữ.

Cuối tháng 4/2022, T nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 243 nêu trên để khi nào cần sẽ sử dụng thế chấp vay tiền. T đến quán nước ở rìa đường khu vực Đ, huyện V thuê một người phụ nữ mới quen biết ngoài xã hội chỉ biết tên là M1, sinh năm 1991 ở tỉnh Bắc Ninh còn họ tên, địa chỉ cụ thể không biết làm cho T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin nội dung giống như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của thửa đất đã thế chấp ở ngân hàng nêu trên với giá 5.000.000 đồng, đồng thời T trả luôn tiền mặt cho M1. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động Iphone 7 Plus mở hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của thửa đất số 243 do T chụp lại trước khi thế chấp vay tiền ngân hàng cho M1 xem rồi M1 dùng điện thoại di động chụp lại. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 243 có thông tin tên người sử dụng đất: ông Nguyễn Trường G và bà Thân Thị Vũ L đều sinh năm 1973 cùng trú tại ngõ E, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, số giấy chứng nhận CG 584070, cấp ngày 19/01/2017; địa chỉ thửa đất ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có đóng dấu Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B và chữ ký Phó Giám đốc “Bùi Quang H2”; mục thay đổi người sử dụng đất có thông tin chuyển nhượng cho ông Trương Văn Q3, bà Trương Thị H3 ngày 15/10/2020, chuyển thành tài sản riêng của ông Trương Văn Q3 ngày 12/4/2021; tặng cho bà Trương Thị T ngày 23/4/2021 được đóng dấu đỏ xác nhận của Chi nhánh văn phòng Đ Y có chữ ký Giám đốc “Nguyễn Tuyết C”. Khoảng 5 ngày sau, M1 đi xe mô tô đến đầu đường cạnh khu vực nhà T ở tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang đưa cho T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với thửa đất số 243 có các thông tin như nêu trên. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T mang về nhà cất giấu trong tủ đồ cá nhân dùng riêng của T và không nói cho ai biết.

Sáng ngày 19/01/2023, do cần tiền để kinh doanh buôn bán vào dịp tết nguyên đán, T đã hỏi vay vợ chồng chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 và anh Doãn Văn Q2, sinh năm 1981 đều trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang là người cùng làm ăn kinh doanh số tiền 1.000.000.000 đồng. Vợ chồng chị T1 yêu cầu T phải có tài sản để thế chấp thì mới đồng ý cho vay tiền. T đã đưa vợ chồng chị T1 đi xem thửa đất số 243 của T nêu trên để thế chấp vay tiền. Lúc này, vợ chồng chị T1 đồng ý cho T vay tiền và yêu cầu T làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng thửa đất bằng hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng công chứng thì mới giao tiền, T đồng ý.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đem theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã làm trước đây đối với thửa đất số 243 nêu trên cùng chị T1 đến Văn phòng công chứng “Đào Duy H”, địa chỉ ở tổ dân phố số B, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại đây, T đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả trước đó cho chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là nhân viên Văn phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa T và chị T1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, chị H1 chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp nhận của T cho anh Đào Duy H, sinh năm 1975 là trưởng Văn phòng công chứng “Đào Duy H” kiểm tra, hoàn thiện hợp đồng. Sau khi kiểm tra, anh H phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 243 do T cung cấp là giả nên gọi điện trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đã đến Văn phòng công chứng “Đào Duy H” tiếp nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất số 243 (Ký hiệu giám định A1) do anh H giao nộp cùng phiếu yêu cầu công chứng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa T với chị T1.

Ngày 01/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V-Công an tỉnh B giám định chữ ký, chữ viết con dấu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 243 đã thu giữ (ký hiệu giám định A1) nêu trên là giả hay thật.

Tại Bản kết luận giám định số 181/KL-KTHS ngày 02/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

“1. Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CG 584070 gửi giám định (ký hiệu A1); các hình dấu tròn có nội dung “Sở tài nguyên và môi trường”. “Chi nhánh Văn phòng Đ” và hình dấu chức danh có nội dung “Giám đốc - Nguyễn Tuyết C” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký mang tên Bùi Quang H2 dưới mục “Sở T- KT. Giám đốc - Phó Giám đốc” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Bùi Quang H2 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M7) là không phải do một người ký ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Tuyết C tại cột “Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Tuyết C trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3) là không phải do cùng một người ký ra”

Bản cáo trạng số: 73/CT-VKS ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Trương Thị T về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" được quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 341; điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Bộ luật hình sự xử phạt Trương Thị T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội để buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Thị T đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng cuối tháng 4 năm 2022, Trương Thị T có hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 243 của T có địa chỉ ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhưng đã thế chấp cho ngân hàng để vay tiền trước đó. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/01/2023, tại Văn phòng công chứng “Đào Duy H”, địa chỉ ở tổ dân phố số B, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang, T đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nêu trên làm thủ tục vay tài sản bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để vay tiền thì bị công chứng viên phát hiện là giả. Sau đó, Công chứng viên báo công an huyện V đến thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của T.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Trương Thị T về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

tổ chức" theo, khoản 1 Điều 341, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52, Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngay sau khi hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị phát hiện bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Trương Văn M được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm đến các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, do đó phải bắt bị cáo chịu mức hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội có nơi cư trú rõ ràng do đó xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm giấy tờ giả với không có mục đích hưởng lợi do đó không cần thiết áp dụng khoản 4 Điều 341 phạt bổ sung bị cáo bằng tiền để sung công quỹ nhà nước.

[6] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động T sử dụng vào việc làm giả giấy tờ, T khai bị rơi mất sau khi làm giấy tờ giả nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa T và chị T1 và phiếu yêu cầu công chứng đã thu giữ, Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

[9] Đối với người làm giấy tờ giả T khai tên M1, nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu, cũng như không nhớ biển số xe mô tô khi M1 điều khiển đến gặp Tâm giao giấy tờ giả. Sau khi làm xong giấy tờ giả, T không liên lạc gì với M1

nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V tách hành vi của đối tượng làm giấy tờ giả cho T ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Trương Thị T 10 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị T cho UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Trương Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

